

Số: 1910/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 10 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 638/TTr-SNV ngày 24 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Doanh nghiệp nhà nước và Quỹ Đầu tư phát

triển tỉnh Tây Ninh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- BTT.UBMTTQVN tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP; NC; TTCBTH;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Thanh



QUY ĐỊNH

Tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
(kèm theo Quyết định số 1910.../QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, tiêu chí, quy trình đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quy định tại Điều 2 Quy định này (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện);
- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Doanh nghiệp nhà nước và Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

- Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; giữ vững sự đoàn kết, thống nhất.
- Việc đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện theo từng năm công tác; bảo đảm đúng thẩm quyền, trách nhiệm, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch; không nể nang, thiên vị, hình thức.
- Việc đánh giá, xếp loại phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ, tiến độ và chất lượng công việc, số lượng công việc được giao theo kế hoạch; nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất. Các nhiệm vụ được giao không hoàn thành hoặc chậm tiến độ do yếu tố khách quan, bất khả kháng thì được cấp có thẩm quyền xem xét khi đánh giá, xếp loại chất lượng.

4. Việc đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị, địa phương bằng các tiêu chí, sản phẩm, thang điểm cụ thể và được thực hiện trên Phần mềm đánh giá xếp loại; trên cơ sở tổng số điểm đạt được của cơ quan, đơn vị, địa phương theo từng tiêu chí và điểm cộng do cơ quan có thẩm quyền xem xét trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương, mức độ khó khăn, phức tạp của nhiệm vụ được giao và kết quả xuất sắc, nổi trội.

5. Các tiêu chí, điểm số do cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm phải có cơ sở chứng minh, cung cấp tài liệu kiểm chứng cho cơ quan thẩm định xem xét.

6. Cơ quan thẩm định thực hiện xem xét, ghi nhận điểm số của các cơ quan, đơn vị, địa phương phải khách quan, dân chủ, khoa học. Hiệu quả công việc phải được xác định cụ thể, có tính định lượng.

Điều 4. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị, địa phương quy định tại Điều 2 Quy định này.

2. Việc thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị, địa phương hàng năm do Hội đồng thẩm định thực hiện.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cấp tỉnh. Thành phần Hội đồng thẩm định cấp tỉnh gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy viên Hội đồng là người đứng đầu các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ (Ủy viên kiêm Thư ký), Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông. Trường hợp khuyết người đứng đầu thì người được giao quyền hoặc được giao phụ trách, điều hành cơ quan tham gia Ủy viên Hội đồng.

b) Hội đồng thẩm định cấp tỉnh làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, có nhiệm vụ, quyền hạn: Thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại trên phần mềm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Giúp việc Hội đồng thẩm định cấp tỉnh có Tổ giúp việc do Chủ tịch Hội đồng thẩm định cấp tỉnh quyết định thành lập.

Điều 5. Tiêu chí đánh giá, xếp loại

1. Nhóm tiêu chí: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đăng ký trong Chương trình công tác năm của UBND tỉnh.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao bằng văn bản.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch/Chương trình công tác của cơ quan.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập; doanh nghiệp nhà nước và Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch/Chương trình công tác của đơn vị, tổ chức.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công.

c) Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao bằng văn bản.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của địa phương về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Kết quả thực hiện thu ngân sách hàng năm của địa phương.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công.

2. Nhóm tiêu chí: Thực hiện nhiệm vụ quản lý trong cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Về thực hiện các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm.

b) Về tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

c) Công tác bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý.

d) Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

đ) Công tác thông tin, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Kết quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

3. Nhóm tiêu chí: Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra qua công tác thanh tra.

a) Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

b) Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

c) Kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra qua thanh tra.

4. Nhóm tiêu chí: Kết quả thực hiện một số chỉ số

a) Chỉ số cải cách hành chính.

- b) Chỉ số năng lực cạnh tranh.
 - c) Chỉ số chuyển đổi số.
 - d) Kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền.
5. Điểm thưởng, điểm trừ.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 6. Quy trình đánh giá, xếp loại

1. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp chỉ đạo thực hiện đánh giá, tự chấm điểm theo các tiêu chí trong Phụ lục tại Điều 5 Quy định này và đề xuất xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

2. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức Hội nghị lấy ý kiến kết quả tự đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

a) Thành phần tham dự Hội nghị:

- Đối với cơ quan, đơn vị: Tập thể lãnh đạo, cấp ủy, trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, trưởng các tổ chức đoàn thể.

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Nội dung Hội nghị:

- Trên cơ sở báo cáo năm, Hội nghị tiến hành phân tích, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân) những giải pháp, nhiệm vụ mang tính đột phá, sáng tạo mang lại hiệu quả trong công tác quản lý.

- Hội nghị cho ý kiến về kết quả tự đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Thành phần hồ sơ gửi thẩm định (gửi trên phần mềm):

- Bảng điểm tự chấm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo Phụ lục tiêu chí xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ ban hành kèm theo Quy định này; biên bản hội nghị lấy ý kiến kết quả tự đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

- Tài liệu kiểm chứng theo từng nội dung tiêu chí, bao gồm các báo cáo, tài liệu, sản phẩm chứng minh kết quả đạt được.

- Những tài liệu, văn bản có liên quan để bổ sung tài liệu kiểm chứng (nếu có).

3. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp chỉ đạo tự chấm điểm và cung cấp hồ sơ, tài liệu kiểm chứng lên Phần mềm đánh giá xếp loại đảm bảo hoàn thành chậm nhất **ngày 15/11 hàng năm**. Sau thời gian trên, nếu các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa tự chấm điểm và gửi hồ sơ đề nghị thẩm định

trên Phần mềm xem như không có kết quả đánh giá và người đứng đầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu kiểm chứng của cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp; kết quả theo dõi, kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền; các chỉ số có liên quan; các cơ quan được phân công thẩm định hồ sơ tổ chức thẩm định, xác định kết quả điểm số của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, thời gian hoàn thành chậm nhất **ngày 20/11 hàng năm**:

- Trường hợp cần bổ sung hồ sơ, cơ quan thẩm định đề nghị cơ quan, đơn vị, địa phương bổ sung trên Phần mềm đánh giá xếp loại và việc yêu cầu bổ sung hồ sơ phải hoàn thành chậm nhất **ngày 25/11 hàng năm**.

- Cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành việc cung cấp bổ sung hồ sơ chậm nhất **ngày 30/11 hàng năm**.

5. Chậm nhất **ngày 03/12 hàng năm**, các cơ quan được phân công thẩm định hoàn thành việc thẩm định trên Phần mềm đánh giá xếp loại.

6. Chậm nhất **ngày 10/12 hàng năm**, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh họp xem xét, cho ý kiến xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

7. Chậm nhất **ngày 15/12 hàng năm**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét đề nghị của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, Quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 7. Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ

Xếp loại mức độ hoàn thành thành nhiệm vụ theo 4 mức:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

a) Tổng điểm đánh giá đạt từ 95 điểm trở lên. Không có tiêu chí, tiêu chí thành phần 0 điểm.

b) Các nhóm tiêu chí quy định tại Điều 5 Quy định này có điểm đạt từ 90% trở lên trên tổng điểm đánh giá, xếp loại của cơ quan, đơn vị, địa phương tại mỗi nhóm tiêu chí; trong đó nhóm tiêu chí “Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, địa phương” hoàn thành 100% các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

c) Không có thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật; 100% cán bộ, công chức, viên chức được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó có từ 85% cán bộ, công chức, viên chức được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và không có cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật trong năm (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ

a) Tổng điểm đánh giá đạt từ 70 điểm đến dưới 95 điểm.

b) Các nhóm tiêu chí quy định tại Điều 5 Quy định này có điểm đạt từ 80% trở lên trên tổng điểm đánh giá, xếp loại của cơ quan, đơn vị, địa phương tại mỗi nhóm tiêu chí.

c) Không có thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả); 95% cán bộ, công chức, viên chức được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó có từ 50% cán bộ, công chức, viên chức được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Hoàn thành nhiệm vụ

a) Tổng điểm đánh giá đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.

b) Các nhóm tiêu chí quy định tại Điều 5 Quy định này có điểm đạt từ 50% trở lên trên tổng điểm đánh giá, xếp loại của cơ quan, đơn vị, địa phương tại mỗi nhóm tiêu chí.

c) Không có thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

4. Không hoàn thành nhiệm vụ

a) Tổng điểm đánh giá dưới 50 điểm.

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương có kết luận của cơ quan có thẩm quyền/bản án có hiệu lực về để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

c) Một trong các nhóm tiêu chí đánh giá, xếp loại Điều 5 Quy định này chỉ đạt dưới 50% trên tổng điểm đánh giá, xếp loại của cơ quan, đơn vị tại mỗi nhóm tiêu chí và có nhiệm vụ chủ yếu không đạt kế hoạch giao (trừ trường hợp bất khả kháng).

d) Có trên 20% cán bộ, công chức, viên chức được xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

đ) Có thành viên tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

e) Bị cấp có thẩm quyền đánh giá mất đoàn kết nội bộ.

Điều 8. Những quy định khác

1. Cơ quan, đơn vị, địa phương đã được đánh giá, xếp loại nhưng sau đó phát hiện có khuyết điểm hoặc không bảo đảm điều kiện của mức xếp loại thì hủy bỏ kết quả và xếp loại lại của năm xảy ra khuyết điểm.

2. Nếu cơ quan, đơn vị, địa phương bị xếp loại mức không hoàn thành nhiệm vụ vì ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức triển khai, quán triệt quy định này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

b) Hàng năm tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện và gửi hồ sơ đề nghị thẩm định theo quy định.

c) Trên cơ sở kết quả xếp loại theo công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương có kế hoạch khắc phục hạn chế để cải thiện tốt nhiệm vụ công tác của những năm tiếp theo gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan thẩm định có trách nhiệm xem xét hồ sơ, thu thập thông tin tài liệu để xác định điểm số các tiêu chí, nội dung thành phần một cách khoa học, khách quan, chính xác đối với hồ sơ đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông sử dụng phần mềm đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương để thực hiện công tác đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương hàng năm.

b) Tổng hợp kết quả thẩm định và báo cáo Hội đồng thẩm định cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tổ chức phúc tra, kiểm tra thực tế ở cơ quan, đơn vị, địa phương khi cần thiết hoặc theo đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương theo thời gian quy định.

d) Phối hợp các cơ quan thông tin, báo, đài để kịp thời thông tin kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cơ quan, đơn vị, địa phương sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng, triển khai, sử dụng phần mềm đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo các tiêu chí xếp loại ban hành kèm theo Quy định này.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ quy định này để cụ thể hoá và thực hiện xếp loại các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc quyền quản lý.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế./.

PHỤ LỤC

**TIÊU CHÍ VÀ ĐIỂM XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2024 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan thẩm định
A	ĐIỂM KHUNG	100			
I	Nhóm tiêu chí: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, địa phương	50			
1	Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	50			
1,1	<p>Kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đăng ký trong Chương trình công tác năm của Ủy ban nhân dân tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu đầy đủ, đúng thời gian đăng ký: 15 điểm. - Tham mưu không đảm bảo thời gian đã đăng ký thì trừ điểm theo từng nội dung, cụ thể: + Tham mưu trễ hạn được nhắc lần 1 trừ 1 điểm/1 nội dung, nhắc lần 2 trừ 3 điểm/1 nội dung, nhắc lần 3 trở đi hoặc không hoàn thành trừ 5 điểm/1 nội dung. + Trường hợp đã được UBND tỉnh cho điều chỉnh thời gian trong chương trình công tác năm (có văn bản điều chỉnh) thì không trừ điểm. - Không lập bảng kê kết quả thực hiện từng nội dung đã đăng ký thực hiện thì không chấm điểm nội dung này. 	15		Bảng liệt kê kết quả thực hiện từng nội dung đăng ký (bao gồm đăng ký bổ sung); các báo cáo/giải trình có liên quan đối với những nội dung chưa có kết quả thực hiện (nếu có).	Văn phòng UBND tỉnh
1,2	<p>Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh giao bằng văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu đầy đủ, đúng hạn: 15 điểm. - Tham mưu không đảm bảo thời hạn thì trừ điểm theo từng nội dung, cụ thể: + Tham mưu trễ hạn được nhắc lần 1 trừ 0.5 điểm/1 nội dung, nhắc lần 2 trừ 1.5 điểm/1 nội dung, nhắc lần 3 trở đi hoặc không hoàn thành trừ 2.5 điểm/1 nội dung. + Trường hợp thực hiện trễ hạn hoặc chưa thực hiện mà có lý do chính đáng và được UBND tỉnh hoặc lãnh đạo UBND tỉnh thống nhất bằng văn bản thì không trừ điểm. - Không lập bảng kê kết quả thực hiện từng nội dung đã được giao thì không chấm điểm nội dung này. 	15		Bảng liệt kê kết quả thực hiện từng nội dung được giao (bao gồm đăng ký bổ sung); các báo cáo/giải trình có liên quan đối với những nội dung chưa có kết quả thực hiện (nếu có).	Văn phòng UBND tỉnh
1,3	<p>Kết quả thực hiện Kế hoạch/Chương trình công tác năm của cơ quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ, đúng hạn: 10 điểm. - Thực hiện trễ hạn trừ 0.5 điểm/1 nội dung. - Không hoàn thành trừ 1 điểm/1 nội dung. - Trường hợp thực hiện trễ hạn hoặc chưa thực hiện mà có lý do chính đáng thì không trừ điểm. - Không có Kế hoạch/Chương trình công tác năm hoặc không lập bảng kê kết quả thực hiện nội dung đã đề ra trong năm thì không chấm điểm nội dung này. 	10		Kế hoạch/Chương trình công tác năm của cơ quan; bảng liệt kê từng nội dung đã đề ra trong năm, sản phẩm/kết quả đã thực hiện; Báo cáo/giải trình có liên quan đối với những nội dung chưa có kết quả thực hiện (nếu có)	Sở Nội vụ

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan thẩm định
1,4	<p>Kết quả thực hiện nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công đạt 100%: 10 điểm. - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công từ 95% đến dưới 100%: 7 điểm. - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công từ 85 đến dưới 95%: 5 điểm. - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công từ 75% đến dưới 85%: 2 điểm. - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công dưới 75%: 0 điểm. <p>Đối với các cơ quan không được giao kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công thì số điểm của tiêu chí này sẽ chuyển lên tiêu chí kết quả thực hiện kế hoạch/Chương trình công tác năm của cơ quan.</p>	10		Báo cáo kết quả giải ngân vốn đầu tư công (lấy kết quả của năm trước liền kề)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Đối với đơn vị sự nghiệp công lập; doanh nghiệp nhà nước và Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh	50			
2,1	<p>Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh giao bằng văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu đầy đủ, đúng hạn: 20 điểm. - Tham mưu không đảm bảo thời hạn thì trừ điểm theo từng nội dung, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Tham mưu trễ hạn được nhắc lần 1 trừ 1 điểm/1 nội dung, nhắc lần 2 trừ 3 điểm/1 nội dung, nhắc lần 3 trở đi hoặc không hoàn thành trừ 5 điểm/1 nội dung. + Trường hợp thực hiện trễ hạn hoặc chưa thực hiện mà có lý do chính đáng và được UBND tỉnh hoặc lãnh đạo UBND tỉnh thống nhất bằng văn bản thì không trừ điểm. - Không lập bảng kê kết quả thực hiện từng nội dung đã được giao trong tài liệu kiểm chứng thì không chấm điểm nội dung này. 	20		Bảng liệt kê kết quả thực hiện từng nội dung và sản phẩm/kết quả đã thực hiện; Các báo cáo/giải trình có liên quan đối với những nội dung chưa có kết quả thực hiện	Văn phòng UBND tỉnh
2,2	<p>Kết quả thực hiện Kế hoạch/Chương trình công tác năm của đơn vị, tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ, đúng hạn: 20 điểm. - Thực hiện trễ hạn trừ 0.5 điểm/1 nội dung. - Không hoàn thành trừ 1 điểm/1 nội dung. - Trường hợp thực hiện trễ hạn hoặc chưa thực hiện mà có lý do chính đáng thì không trừ điểm. - Không có Kế hoạch/Chương trình công tác năm hoặc không lập bảng kê kết quả thực hiện nội dung đã đề ra trong năm thì không chấm điểm nội dung này 	20		Liệt kê kết quả thực hiện từng nội dung đã đề ra trong năm, sản phẩm/kết quả đã thực hiện; Báo cáo/giải trình có liên quan đối với những nội dung chưa có kết quả thực hiện (nếu có)	Sở Nội vụ
2,3	<p>Kết quả thực hiện nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công đạt 100%: 10 điểm. - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công từ 95% đến dưới 100%: 7 điểm. - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công từ 85 đến dưới 95%: 5 điểm. - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công từ 75% đến dưới 85%: 2 điểm. - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công dưới 75%: 0 điểm. <p>Đối với các đơn vị không được giao kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công thì số điểm của tiêu chí này sẽ chuyển lên tiêu chí kết quả thực hiện kế hoạch/Chương trình công tác năm của đơn vị.</p>	10		Báo cáo kết quả giải ngân vốn đầu tư công (lấy kết quả của năm trước liền kề)	Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan thẩm định
3	Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện	50			
3,1	Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh giao bằng văn bản: - Tham mưu đầy đủ, đúng hạn: 10 điểm. - Tham mưu không đảm bảo thời hạn thì trừ điểm theo từng nội dung, cụ thể: + Tham mưu trễ hạn được nhắc lần 1 trừ 0.5 điểm/1 nội dung, nhắc lần 2 trừ 1.5 điểm/1 nội dung, nhắc lần 3 trở đi hoặc không hoàn thành trừ 2.5 điểm/1 nội dung. + Trường hợp thực hiện trễ hạn hoặc chưa thực hiện mà có lý do chính đáng và được UBND tỉnh hoặc lãnh đạo UBND tỉnh thống nhất bằng văn bản thì không trừ điểm. - Không lập bảng kê kết quả thực hiện từng nội dung đã được giao trong tài liệu kiểm chứng thì không chấm điểm nội dung này.	10		Bảng liệt kê kết quả thực hiện từng nội dung được giao (bao gồm đăng ký bổ sung); các báo cáo/giải trình có liên quan đối với những nội dung chưa có kết quả thực hiện (nếu có).	Văn phòng UBND tỉnh
3,2	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của địa phương về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng: - Hoàn thành 100% chỉ tiêu: 20 điểm. - Hoàn thành từ 75% đến dưới 100% chỉ tiêu: 15 điểm. - Hoàn thành từ 50% đến dưới 75% chỉ tiêu: 10 điểm. - Hoàn thành dưới 50% chỉ tiêu: 0 điểm.	20		Bảng liệt kê các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra và kết quả thực hiện	Văn phòng UBND tỉnh
3,3	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của địa phương: - Thu ngân sách nhà nước thuộc nhóm 2 địa phương có tỷ lệ tăng thu ngân sách cao nhất so với dự toán HĐND tỉnh giao: 10 điểm. - Thu ngân sách nhà nước thuộc nhóm 2 địa phương có tỷ lệ tăng thu ngân sách từ vị trí thứ 3 đến thứ 4 so với dự toán HĐND tỉnh giao: 8 điểm. - Thu ngân sách nhà nước thuộc nhóm 2 địa phương có tỷ lệ tăng thu ngân sách từ vị trí thứ 5 đến thứ 6 so với dự toán HĐND tỉnh giao: 6 điểm. - Thu ngân sách nhà nước thuộc nhóm 3 địa phương có tỷ lệ tăng thu ngân sách thấp nhất so với dự toán HĐND tỉnh giao: 4 điểm. - Không đạt dự toán HĐND tỉnh giao: 0 điểm.	10		Báo cáo thu ngân sách nhà nước (trường hợp tại thời điểm đánh giá chưa có số liệu của năm thì lấy số liệu của năm trước liền kề)	Sở Tài chính
3,4	Kết quả thực hiện nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công: - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công đạt 100%: 10 điểm. - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công từ 95% đến dưới 100%: 7 điểm. - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công từ 85 đến dưới 95%: 5 điểm. - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công từ 75% đến dưới 85%: 2 điểm. - Hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công dưới 75%: 0 điểm.	10		Báo cáo kết quả giải ngân vốn đầu tư công (lấy kết quả của năm trước liền kề)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
II	Nhóm tiêu chí: Thực hiện nhiệm vụ quản lý trong cơ quan, đơn vị, địa phương	15			

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan thẩm định
1	<p>Về thực hiện các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 3 điểm. - Thực hiện chưa kịp thời, trễ hạn trừ 0.5 điểm/1 nội dung (sau 03 tháng kể từ ngày Thông tư hướng dẫn có hiệu lực mà chưa tham mưu ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị; sau 03 tháng kể từ ngày có hướng dẫn của UBND tỉnh mà chưa ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn cấp huyện; sau 1.5 tháng kể từ ngày quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị có hiệu lực mà chưa ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn thuộc cơ quan, đơn vị; sau 30 ngày kể từ ngày Tỉnh giao biên chế mà chưa thực hiện giao biên chế hoặc thực hiện trễ hạn theo văn bản chỉ đạo) - Thực hiện không đúng quy định 0 điểm. 	3		Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị; Quyết định giao biên chế; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng biên chế; Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm.	Sở Nội vụ
2	<p>Về tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 2 điểm. - Thực hiện chưa kịp thời, trễ hạn trừ 05 điểm/1 nội dung. - Thực hiện không đúng quy định 0 điểm. 	2		Hồ sơ chứng minh kèm theo và theo dõi của Sở Nội vụ.	Sở Nội vụ
3	<p>Công tác bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 4 điểm. - Có lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở và tương đương được bổ nhiệm sai quy định: 0 điểm 	4		Thống kê danh sách bổ nhiệm	Sở Nội vụ
4	Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	2			Thanh tra tỉnh
4,1	<p>Công tác tiếp công dân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người đứng đầu tiếp công dân định kỳ đúng quy định: 1 điểm. - không tiếp đủ số kỳ theo quy định: 0 điểm 	1		Báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm; thông báo lịch tiếp công dân định kỳ của người đứng đầu	
4,2	<p>Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết kịp thời đúng hạn, nội dung giải quyết đúng pháp luật, đạt tỷ lệ từ 85% trở lên: 1 điểm. - Giải quyết quá hạn hoặc giải quyết đơn trái quy định pháp luật, mỗi đơn trừ 0,25 điểm, - Tỷ lệ giải quyết đơn đúng hạn, đúng quy định dưới 85%: 0 điểm (đối với các đơn còn trong thời hạn giải quyết thì ko tính vào tỉ lệ %). 	1		Báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm; thông báo thụ lý đơn khiếu nại/quyết định thụ lý tố cáo; quyết định giải quyết khiếu nại/kết luận nội dung tố cáo.	

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan thẩm định
5	Công tác thông tin, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương Có 3 mức độ: Rất hài lòng (1.5đ), hài lòng (1đ), không hài lòng (0đ). Điểm= Bình quân điểm tổng hợp từ phiếu khảo sát mà người đứng đầu sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND cấp huyện đánh giá	1,5		Kết quả đánh giá căn cứ và việc khảo sát trực tiếp bằng phiếu đối với người đứng đầu sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND cấp huyện	Sở Nội vụ
6	Kết quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể - Các tổ chức đoàn thể hoạt động đúng quy định, tham gia các hoạt động tích cực, hiệu quả, 100% tổ chức được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 2.5 điểm. - Các tổ chức đoàn thể hoạt động theo đúng quy định, trong đó có tổ chức được đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ: 1.5 điểm. - Các tổ chức đoàn thể hoạt động không đúng quy định hoặc có tổ chức được đánh giá, xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm.	2,5		Kết quả đánh giá xếp loại hàng năm của các tổ chức đoàn thể	Sở Nội vụ
III	Nhóm tiêu chí: Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra qua công tác thanh tra	10			
1	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: - Thực hiện đầy đủ, đúng quy định, không có tập thể, cá nhân vi phạm: 3 điểm. - Thực hiện không đầy đủ, đúng quy định hoặc có tập thể, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (áp dụng trong trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương tự phát hiện): 0 điểm. Trừ trường hợp đơn vị trực thuộc vi phạm thì trừ 01 điểm/tập thể và 0.5 điểm/cá nhân.	3		Theo dõi của Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ	Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ
2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính: - Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật, xử lý hình sự hoặc vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính hoặc vi phạm các quy định về an toàn giao thông: 4 điểm. - Trong năm có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính hoặc vi phạm các quy định về an toàn giao thông: trừ 0.25 điểm/1 trường hợp vi phạm. - Trong năm có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm bị xử lý hình sự: 0 điểm.	4		Báo cáo kết quả xử lý kỷ luật; kết quả kiểm tra của Tổ kiểm tra công vụ và kết quả theo dõi của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan thẩm định
3	<p>Kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra qua công tác thanh tra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề ra đầy đủ các giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong năm và khắc phục xong các hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra: 3 điểm. - Trừ 0.5 điểm/01 kết luận thanh tra không đề ra giải pháp khắc phục. - Trừ 0.25 điểm/01 nội dung hạn chế, yếu kém chưa khắc phục. Trường hợp do yếu tố khách quan không thể thực hiện được trong năm thì không trừ điểm. <p>Trường hợp không có hạn chế, yếu kém được chỉ ra thì được tròn điểm</p>	3		Các kết luận của các Đoàn thanh tra tại cơ quan trong năm; văn bản đề ra giải pháp khắc phục hạn chế; bảng tổng hợp liệt kê từng hạn chế (nếu có) và kết quả/giải pháp để khắc phục của từng hạn chế mà cơ quan đã thực hiện/chưa thực hiện. Báo cáo tiến độ thực hiện/giải trình việc thực hiện kết luận thanh tra	Thanh tra tỉnh
IV	Nhóm tiêu chí: Kết quả thực hiện một số chỉ số	25			
1	<p>Chỉ số cải cách hành chính:</p> <p>Điểm = Tỷ lệ % điểm chỉ số Cải cách hành chính *10 điểm.</p>	10		Căn cứ kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính hàng năm. Trường hợp trong năm chưa có kết quả đánh giá thì áp dụng kết quả của năm trước liền kề.	Sở Nội vụ
2	<p>Chỉ số năng lực cạnh tranh:</p> <p>Điểm = Tỷ lệ % điểm đánh giá năng lực cạnh tranh *5 điểm.</p>	5		Căn cứ kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh hàng năm. Trường hợp trong năm không thực hiện đánh giá năng lực cạnh tranh thì tính tròn điểm.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	<p>Chỉ số chuyển đổi số:</p> <p>Điểm = Tỷ lệ % điểm chỉ số chuyển đổi số*5 điểm</p>	5		Căn cứ vào kết quả đánh giá công tác chuyển đổi số hàng năm của UBND tỉnh công bố. Trường hợp trong năm chưa có kết quả đánh giá thì lấy kết quả của năm trước liền kề	Sở Thông tin và Truyền thông
4	<p>Kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền:</p> <p>Điểm=Tỷ lệ % điểm đánh giá kết quả dân vận chính quyền hàng năm * 5 điểm.</p>	5		Căn cứ vào kết quả đánh giá công tác dân vận chính quyền hàng năm của UBND tỉnh công bố. Trường hợp trong năm chưa có kết quả đánh giá thì lấy kết quả của năm trước liền kề	Sở Nội vụ
B	ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ				

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan thẩm định
I	Điểm thưởng	Không quá 5 điểm			
1	Trong năm, cơ quan được tặng cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương hoặc được khen thưởng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước: 1 điểm/01 nội dung	Không quá 2 điểm		Cơ quan, đơn vị cung cấp tài liệu chứng minh	Sở Nội vụ
2	Có một trong các chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số mức độ chuyển đổi số xếp thứ hạng cao nhất: 1 điểm/01 nội dung			Cơ quan, đơn vị cung cấp tài liệu chứng minh	Sở Nội vụ
3	Cơ quan chủ động thực hiện sắp xếp, tinh giản tổ chức bên trong và tinh giản biên chế/số người làm việc nhiều hơn so với quy định/định mức giao	Không quá 2 điểm		Cơ quan, đơn vị cung cấp tài liệu chứng minh	Sở Nội vụ
4	Nâng mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP so với giai đoạn trước	Không quá 2 điểm		Các văn bản giao tự chủ tài chính đối với các đơn vị của năm đánh giá và năm trước liền kề (hoặc giai đoạn trước).	Sở Tài chính
5	Thu ngân sách nhà nước vượt 100% dự toán ngân sách nhà nước được HĐND tỉnh giao - Vượt dưới 5%: 1 điểm. - Vượt từ 5% đến 10%: 1.5 điểm. - Vượt trên 10%: 2 điểm.	Không quá 2 điểm		Cơ quan, đơn vị cung cấp tài liệu chứng minh	Sở Tài chính
6	Hoàn thành việc giải ngân vốn đầu tư công trước thời hạn	1		Cơ quan, đơn vị cung cấp tài liệu chứng minh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Trường hợp đặc biệt khác (thành tích đột xuất nổi trội... do Hội đồng thẩm định xem xét quyết định)	Không quá 2 điểm		Cơ quan, đơn vị cung cấp tài liệu chứng minh	Sở Nội vụ
II	Điểm trừ				
1	Thực hiện không đúng quy trình đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương; gửi hồ sơ không đảm bảo thành phần.	-2 điểm		Theo dõi của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
2	Hoàn thành việc tự chấm điểm chậm so với thời gian quy định	-2 điểm		Theo dõi của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
TỔNG ĐIỂM = ĐIỂM KHUNG + ĐIỂM CỘNG - ĐIỂM TRỪ					